

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực I - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I- Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực I - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L- sinh năm 1998;

Nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T- sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn ngày 08/6/2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở

hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là UBND phường P), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau. Quá trình mâu thuẫn, bố mẹ và bản thân hai bên tự hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh T đã ly thân từ tháng 12 năm 2024. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Phạm Thảo M (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/5/2020 và Phạm An C (giới tính: Nữ) - sinh ngày 27/9/2022. Hiện nay hai con chung đang sống cùng mẹ. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị được nuôi cả hai cháu Phạm An C và cháu Phạm Thảo M, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là UBND phường P), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hơn một năm nay do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2024. Trong quá trình ly thân, hai người không còn quan tâm đến nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung, anh T xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Phạm Thảo M (giới tính: Nữ) - sinh ngày 09/5/2020 và Phạm An C (giới tính: Nữ) - sinh ngày 27/9/2022. Hiện nay hai con chung đang sống cùng mẹ. Sau khi ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Trong trường hợp Tòa quyết định giao hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung với mức 2.500.000đ/01 con/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thảo M (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 09/5/2020 và cháu Phạm An C (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 27/9/2022 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, số tiền cấp dưỡng là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn anh Phạm Văn T cư trú tại xóm B, phường P, tỉnh Cao

Bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn ngày 08/6/2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (*nay là UBND phường P*), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên liên tục, có cãi vã, xung đột, gia đình và bản thân hai bên tự hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng chị L, anh T đã ly thân từ tháng 12 năm 2024. Từ thời điểm ly thân đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay chị L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh T. Đối với yêu cầu được ly hôn của chị L, anh T nhất trí.

Xét thấy quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa hai người với nhau. Qua nghiên cứu hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị L, anh T đã ly thân được hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T chỉ tồn tại trên danh nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hòa giải và hàn gắn, khắc phục. Chị L, anh T đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Phạm Thảo M (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 09/5/2020 và Phạm An C (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 27/9/2022. Hiện nay các cháu đều sống cùng mẹ. Trong thời gian ly thân, chị L vẫn chăm sóc, tạo điều kiện sinh sống và học tập tốt cho các con chung. Xét thấy, các con chung đều còn nhỏ, cần sự quan tâm, theo dõi sát sao của người mẹ. Do vậy, việc giao các cháu cho chị Hoàng Thị L trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh T đề nghị sẽ cấp dưỡng cho mỗi con chung với mức 2.500.000đ/01 con/tháng trong trường hợp Tòa quyết định giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với đề nghị của anh T, chị L không có ý kiến gì.

Xét thấy, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của các cháu trong cuộc sống sinh hoạt, học tập tại địa phương, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh T. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T về mức cấp dưỡng cho các con chung là 2.500.000đ/01 con/01 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị L, anh T đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn. Anh Phạm Văn T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung:

Giao hai cháu Phạm Thảo M (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 09/5/2020 và Phạm An C (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 27/9/2022, cùng trú tại: Xóm B, phường P, tỉnh Cao Bằng cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Anh Phạm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng, tổng cộng là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*)/02 con/01 tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Theo từng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Thị L đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000132 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (*nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Cao Bằng*). Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát khu vực 1 - Cao Bằng;
- Thi hành án DS tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoài Anh